

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2402 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**Mã số mẫu: 02402.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 30/10/2025

Ngày trả kết quả : 11/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : ĐX01 - Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA
Nguyễn Phi Đông

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**
La Văn Dầu



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02402.25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	28,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	03/11/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
6	Thủy ngân (Hg)**	SMEWW 3112 B: 2023	Không phát hiện	0,001 mg/l	
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2 NTU	30/10/2025
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	31/10/2025
9	Nhôm(Al)**	SMEWW 3500 Al -B: 2023	Không phát hiện	≤ 0.2mg/l	
10	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00012 mg/l	≤ 0,01mg/l	04/11/2025
11	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2mg/l	31/10/2025
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	06/11/2025
13	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	06/11/2025
14	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,01 mg/l	≤ 1 mg/l	31/10/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,03 mg/l	≤ 11 mg/l	03/11/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	31/10/2025
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)**	SMEWW 2540C:2023	35,00 mg/l	≤ 1000 mg/L	
18	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00039 mg/l	≤ 0,01 mg/l	04/11/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2403 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**Mã số mẫu: 02403.25****Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 30/10/2025

Ngày trả kết quả : 11/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : ĐX02 - Số 1192 đường Phú Riêng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai - Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

La Văn Dầu

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Mã số mẫu: 02403.25	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	32,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	03/11/2025
5	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
6	Thủy ngân (Hg)**	SMEWW 3112 B: 2023	Không phát hiện	0,001 mg/l	
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,39 NTU	≤ 2 NTU	30/10/2025
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	31/10/2025
9	Nhôm(Al)**	SMEWW 3500 Al -B: 2023	Không phát hiện	≤ 0.2mg/l	
10	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00012 mg/l	≤ 0,01mg/l	04/11/2025
11	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2mg/l	31/10/2025
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	06/11/2025
13	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	06/11/2025
14	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,01 mg/l	≤ 1 mg/l	31/10/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,10 mg/l	≤ 11 mg/l	03/11/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	31/10/2025
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)**	SMEWW 2540C:2023	37,00 mg/l	≤ 1000 mg/L	
18	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00033 mg/l	≤ 0,01 mg/l	04/11/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2404 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02404.25	Trang: 1/2
---------------------	------------

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 30/10/2025

Ngày trả kết quả : 11/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : ĐX03 - Số 731 đường Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai - Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2025.

**GIÁM ĐỐC****La Văn Dầu**



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02404.25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	26,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	03/11/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
6	Thủy ngân (Hg)**	SMEWW 3112 B: 2023	Không phát hiện	0,001 mg/l	
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,64 NTU	≤ 2 NTU	30/10/2025
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	31/10/2025
9	Nhôm(Al)**	SMEWW 3500 Al -B: 2023	Không phát hiện	≤ 0.2mg/l	
10	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00012 mg/l	≤ 0,01mg/l	04/11/2025
11	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2mg/l	31/10/2025
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	06/11/2025
13	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	06/11/2025
14	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	Không phát hiện	≤ 1 mg/l	31/10/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,07 mg/l	≤ 11 mg/l	03/11/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	31/10/2025
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)**	SMEWW 2540C:2023	35,00 mg/l	≤ 1000 mg/L	
18	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00029 mg/l	≤ 0,01 mg/l	04/11/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2405/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**Mã số mẫu: 02405.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTCSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 30/10/2025

Ngày trả kết quả : 11/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : ĐX04 - Khu dân cư Bắc Đồng Phú, đường D1, Kp Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai - Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**GIÁM ĐỐC****La Văn Dấu**



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02405.25	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	36,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	03/11/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	31/10/2025
6	Thủy ngân (Hg)**	SMEWW 3112 B: 2023	Không phát hiện	0,001 mg/l	
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,78 NTU	≤ 2 NTU	30/10/2025
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	31/10/2025
9	Nhôm(Al)**	SMEWW 3500 Al -B: 2023	Không phát hiện	≤ 0.2mg/l	
10	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00014 mg/l	≤ 0,01mg/l	04/11/2025
11	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2mg/l	31/10/2025
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	06/11/2025
13	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	06/11/2025
14	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	Không phát hiện	≤ 1 mg/l	31/10/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,08 mg/l	≤ 11 mg/l	03/11/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	31/10/2025
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)**	SMEWW 2540C:2023	36,00 mg/l	≤ 1000 mg/L	
18	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00033 mg/l	≤ 0,01 mg/l	04/11/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.
- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).